TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/DS-ST
Ngày: 31/7/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH, ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - *Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Minh Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tân

2. Ông Nguyễn Hùng Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Trâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 496/2017/TLST- DS ngày 17 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2019, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 36/TB-TA ngày 20 tháng 5 năm 2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 40/2019/QĐST-DS ngày 10/6/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2019/QĐST-DS ngày 11/7/2019, giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Bà Cao Thị L, sinh năm 1963; (có mặt)

Địa chỉ: số nhà 622, tổ 10, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

2/. Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1980; (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 10, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2017, biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Cao Thị L trình bày:

Bà L và bà H là hàng xóm với nhau. Ngày 12/5/2016 (âm lịch) bà Trần Thị H có vay của Bà L số tiền 5.000.000 đồng. Đến ngày 22/5/2016 (âl) bà H có vay thêm của Bà L số tiền 3.000.000 đồng, tổng cộng hai lần vay bà H còn nợ lại của Bà L số tiền 8.000.000 đồng, cả hai lần vay đều thỏa thuận nếu bà H trả nợ vay trong thời hạn 01 tháng thì Bà L không lấy lãi còn nếu vay hơn 01 tháng thì bà H phải trả lãi cho Bà L nhưng tùy ý bà H muốn trả lãi bao nhiêu thì trả. Trong lần vay đầu tiên vào ngày 12/5/2016 (âl) bà Trần Thị H có làm biên nhận, lần sau không có làm biên nhận.

Do bà H không trả nợ nên Bà L khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền vay còn thiếu là 8.000.000 đồng và lãi là 1.040.000 đồng, tổng cộng là 9.040.000 đồng (*Chín triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng*). Tại phiên tòa Bà L thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu bà H trả số tiền vay còn thiếu theo giấy nợ ngày ngày 12/5/2016 (âl) là 5.000.000 đồng và và lãi là 800.000 đồng.

Bị đơn bà Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa, theo nội dung biên bản lấy lời khai ngày 19/12/2017 và ngày 01/4/2019 cùng với các phiên hòa giải bà H trình bày:

Cách đây khoảng 03 năm (2016), do là hàng xóm với nhau nên bà Cao Thị L có nhờ bà Trần Thị H đi thu gom phơi đề giùm của các người chơi đề là những người từ tỉnh Sóc Trăng đến làm thuê mùa lúa trên địa bàn ấp H, xã H. Khi bán số đề Bà L cho các người chơi này thiếu tiền số đề gối đầu tổng cộng các người chơi này thiếu tiền số đề Bà L là 3.200.000đồng. Khi hết mùa lúa các người ở Sóc Trăng bỏ về quê và gửi lại bà H số tiền 1.600.000đồng để trả tiền còn nợ tiền số đề của Bà L, phần 1.600.000đồng còn lại bà H đứng ra chịu, bà H đã đưa 1.600.000đồng cho Bà L, Bà L không trừ ra mà để đó. Khoảng 1,5 tháng sau tiền lãi là 1.800.000 đồng Bà L kêu bà H viết giấy có hỏi mượn tiền bà với số tiền

5.000.000đ, Bà L còn nói "số tiền 1.600.000đồng đó nếu mày không trả tiền gốc cho tao, tao sẽ sử dụng tiền đó làm tiền lời cho mày". Bà H đã viết giấy nợ cho Bà L nội dung giấy nợ " *Vợ Hưng hỏi 5 triệu Đ.S ngày dùm 12 tháng năm 2016, Đ.S Hưng*", khi viết và đưa giấy nợ cho Bà L không ai chứng kiến. Theo bà H trình bày Đ.S là viết tắt của cụm từ đánh số (ý nghĩa, đánh số đề), còn vợ Hưng là tên gọi khác của bà H vì chồng bà H tên Hưng. Bà H khẳng định có ghi giấy nợ nội dung như trên từ việc gom phơi đề giùm cho Bà L mà thiếu 5.000.000 đồng chứ không có mượn tiền của Bà L, ngoài 5.000.000đồng này, bà H không có mượn thêm số tiền nào khác từ Bà L. Tại phiên tòa ngày 10/6/2019 bà H cho rằng mình mua số đề giùm cho nhiều người, nhưng không nhớ họ tên và nơi ở của những người này, vì Bà L khởi kiện vụ việc này ra Tòa án nên những người kia không trả tiền cho bà H do đó bà H không trả tiền cho Bà L. Đối với giấy nợ bà H cho rằng do lo sợ Bà L làm lớn chuyện, chồng hay biết sự việc nên bà H đã viết giấy nợ như trên, nhưng sau đó Bà L vẫn đến nhà đòi nợ làm gia đình bà H xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, bà H cho rằng Bà L có lỗi làm vợ chồng bà mâu thuẫn nên không đồng ý trả bất kỳ số tiền gì cho Bà L.

Để có cơ sở xem xét lời trình bày của bà H Tòa án có văn bản chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Huyện để xác minh làm rõ việc bà Cao Thị L và bà Trần Thị H có giao dịch mua bán số đề hay không. Ngày 11/7/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Huyện có Công văn số 96/CQCSĐT-ĐTTP cung cấp thông tin với nội dung, qua làm việc với bà H, Bà L và những người sinh sống cùng khu vực là bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962 và ông Thái Ngọc T, sinh năm 1954 thì kết quả xác minh chưa đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Bà L về hành vi đánh bạc do đó chưa đủ căn cứ chứng minh Bà L có bán số đề cho bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án đã cơ bản thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành thấy đảm bảo đủ điều kiện và hợp pháp. Riêng đối với bị đơn không chấp hành theo Giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 là vi phạm quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội dồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trần Thị H trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay còn nợ là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Đối với yêu cầu tính lãi của Bà L, tính lãi từ ngày cho vay 12/5/2016 âm lịch đến ngày khởi kiện 13/7/2017 dương lịch với số tiền là 800.000 đồng là vượt quá quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lại số tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 13/7/2017 bà Cao Thị L tranh chấp dân sự về hợp đồng vay đối với bà Trần Thị H có cùng địa chỉ ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Xác định bà Cao Thị L là nguyên đơn, bà Trần Thị H là bị đơn; Việc khởi kiện còn trong thời hiệu; Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Xét sự vắng mặt của bà Trần Thị H là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không lí do mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H là phù hợp Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị L yêu cầu bà H trả số tiền vay còn thiếu là 8.000.000 đồng và lãi là 1.040.000 đồng, tại phiên tòa Bà L thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu bị đơn bà Trần Thị H trả cho Bà L số tiền vốn và lãi còn thiếu tổng cộng là 5.800.000 đồng (vốn là 5.000.000 đồng và và lãi là 800.000 đồng) việc thay đổi yêu cầu như trên không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thấy: Bà L yêu cầu bà H trả nợ vay, có xuất trình giấy ghi nợ do chính bà H viết với tên ghi trong giấy nợ là vợ Hưng (tên gọi khác của bà H). Bà H cũng xác định có ghi giấy nợ như Bà L trình bày, nhưng không phải vay tiền mà do gom phơi đề giùm cho Bà L mà thiếu 5.000.000 đồng. Như vậy, xác định bà H có nợ Bà L số tiền 5.000.000 đồng là có cơ sở.

Việc bà H cho rằng không có vay tiền của Bà L, không đồng ý trả, bà H cho rằng tờ giấy với nội dung cụ thể: "*vợ Hưng hỏi 5 triệu Đ.S ngày dùm 12 tháng năm 2016. Đ.S Hưng*"; là do bà H viết nhưng vì Bà L hâm dọa sẽ nói với chồng bà H sự việc bà H nợ tiền đề. Bà H giải thích chữ "Đ.S" là đánh số. Tuy nhiên bà H không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình, cũng như chứng minh số tiền nợ 5.000.000 đồng là tiền mua số đề. Bà H trình bày thêm là những người mua số đề có đưa bà H 1.600.000 đồng và bà H đã đưa cho Bà L số tiền 1.600.000 đồng này, nhưng Bà L không thừa nhận có nhận của bà H 1.600.000 đồng, bà H không có chứng cứ hay tài liệu gì chứng minh nên không có căn cứ xem xét. Bà H cho rằng mình mua số đề giùm cho nhiều người nên Hội đồng xét xử đề nghị bà H cung cấp tên họ của những người này nhưng bà H không cung cấp được mà cho rằng không nhớ tên và không biết nơi cư trú, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác minh lời trình bày của bà H.

Qua điều tra xác minh thì Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Huyện cũng có kết luận chưa đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Bà L về hành vi đánh bạc nên chưa đủ căn cứ chứng minh Bà L có bán số đề cho bà H. Do đó, việc bà H nại ra là Bà L đã đồng ý cho bà H ghi giấy nợ để trả dần nhưng sau đó vẫn đến nhà đòi nợ làm gia đình bà H xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, bà H cho rằng Bà L có lỗi nên không đồng ý trả bất kỳ số tiền gì cho Bà L là không thể chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành và yêu cầu khởi kiện của Bà L là buộc bà H trả số tiền vốn 5.000.000 đồng, là có căn cứ, cần được chấp nhận. Đối với yêu cầu tính lãi từ ngày cho vay 12/5/2016 âm lịch (tương ứng ngày 16/6/2016 dương lịch) đến ngày khởi kiện 13/7/2017 dương lịch với số tiền là 800.000 đồng. Theo trình bày của các đương sự thể hiện kể từ ngày12/5/2016 âl đã phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bị đơn do đó nếu bị đơn chậm trả tiền thì bị đơn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Tuy nhiên do các bên không có thỏa thuận về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền nên lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Cụ thể theo quy định này thì mức lãi suất là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng. Bà L yêu cầu tính lãi từ ngày cho vay 12/5/2016 âm lịch (tương ứng ngày 16/6/2016 dương lịch) đến ngày khởi kiện 13/7/2017, thời gian là 13 tháng. Như vậy, số tiền lãi là: 5.000.000đx0,83%/thángx13 tháng = 539.500 đồng. Do Bà L yêu cầu bà H trả số tiền lãi là 800.000 đồng vượt quá quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Số tiền lãi bà H phải trả cho Bà L sẽ được điều chỉnh theo quy định pháp luật là 539.500 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà L, buộc bà H phải trả cho Bà L số tiền: 5.000.000 đồng tiền gốc vay và tiền lãi chậm trả từ ngày 12/5/2016 âm lịch (tương ứng ngày 16/6/2016 dương lịch) đến ngày khởi kiện 13/7/2017 là 539.500 đồng, tổng cộng là 5.539.500 đồng là có căn cứ.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần không được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị L.

Buộc bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Cao Thị L số tiền vốn gốc và lãi phát sinh tổng cộng là 5.539.500 đồng (*Năm triệu năm trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng*).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

- Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Cao Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Bà L đã nộp theo Biên lai thu số 12397 ngày 17/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Châu Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.(P)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Minh Phong